TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 01 - 2025
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng

2. Ông Trần Văn Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Thông – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1967 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Nhơn Thuận 1, xã Nhơn N, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Dương Tấn T, sinh năm 1965 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1B, thị trấn Một N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà và ông Dương Tấn T tự quen biết nhau, qua thời gian tìm hiểu thì ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, ông bà không có đăng ký kết hôn, lý do vợ chồng đi làm xa nên không có

thời gian về địa phương đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2002 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và Dương Tấn T là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Tấn V (nam), sinh ngày 09/01/2000. Hiện con đã trưởng thành, có sức khỏe và có công việc ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Dương Tấn T trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị P về quá trình chung sống với nhau như vợ chồng và lý do chúng tôi không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên cự cãi nhau. Do hôn nhân không thể hàn gắn nên tôi đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận tôi và bà P là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Tấn V (nam), sinh ngày 09/01/2000. Hiện con đã trưởng thành, có sức khỏe và có công việc ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 24/12/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị P và ông Dương Tấn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T; Ông T cư trú tại ấp 1B, thị trấn Một N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bà P và ông T nhưng các đương sự đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 24/12/2024 nên

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà P và ông T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa bà P và ông T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bà P và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 mà không có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống bà P và ông T phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được, bà P cho rằng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cho rằng hôn nhân không thể hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà P là vợ chồng nên cho thấy hôn nhân của bà P và ông T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận. Đến thời điểm Tòa thụ lý giải quyết các đương sự vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà P và ông T là vợ chồng.

[3.2] Xét về con chung: bà P và ông T khai thống nhất có 01 con chung tên Dương Tấn V (nam), sinh ngày 09/01/2000. Hiện con đã trưởng thành, có sức khỏe và có công việc ổn định nên ông, bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà P và ông T khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà P và ông T khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Dương Tấn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Tấn V (nam), sinh ngày 09/01/2000. Hiện con đã trưởng thành, có sức khỏe và có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004980 ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bị đơn ông Dương Tấn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đô